CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội

Ngày 30/09/2024	12,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-2.2%**

DT thuần
Q3/24
99.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.20| -4.1%
YoY: ▲ 2.20| 2.2%

LN thuần
Q3/24
7.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70| 56.8%
YoY: ▲ 1.62| 27.8%

LN sau thuế
Q3/24
5.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.46| 38.8%
YoY: ▲ 0.58| 12.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
7.3%
YoY: +/-▲ 2.7%

ROE (TTM)
Q3/24
9.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

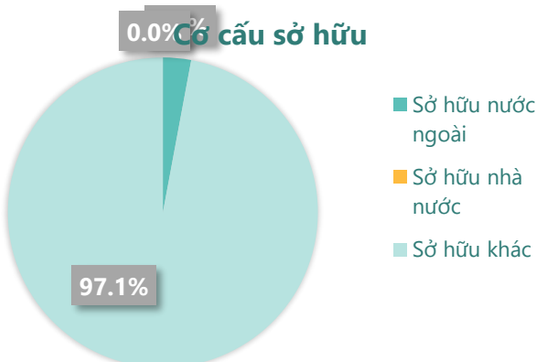
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,022 - 13,319
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	149
Số lượng CPLH (CP)	12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	2.9%
Beta	0.06
EPS	1,405
P/E	8.8

DT thuần
9T 2024
295
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -2.6%

LN thuần
9T 2024
15.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 8.5%

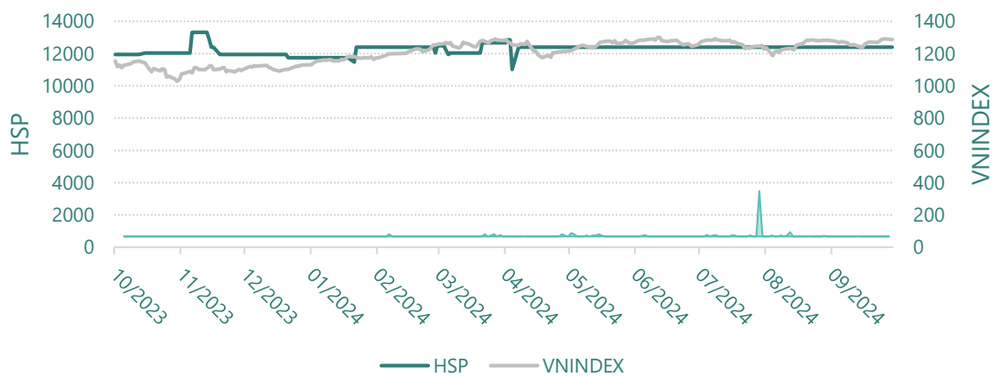
LN sau thuế
9T 2024
11.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.20| 2.0%

Cơ cấu sở hữu

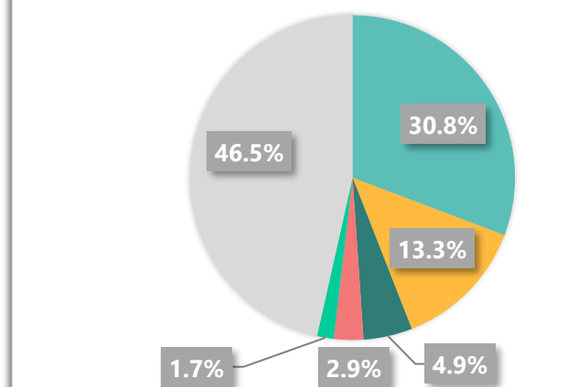


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



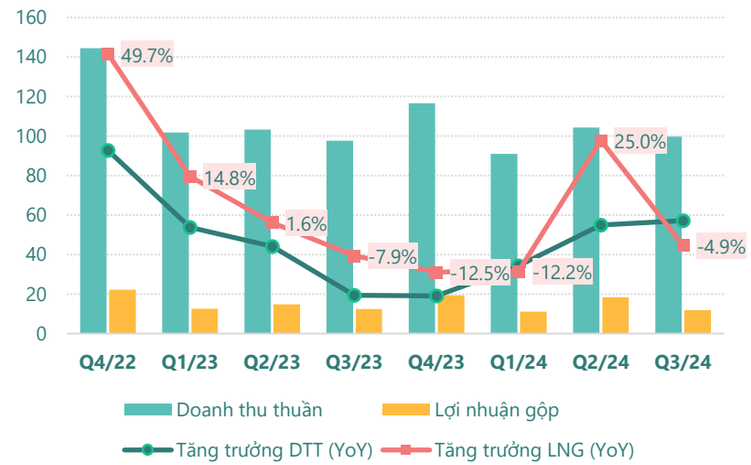
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

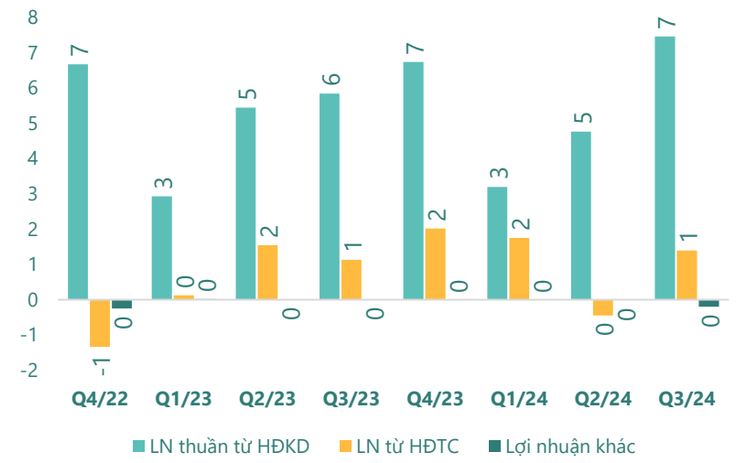
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



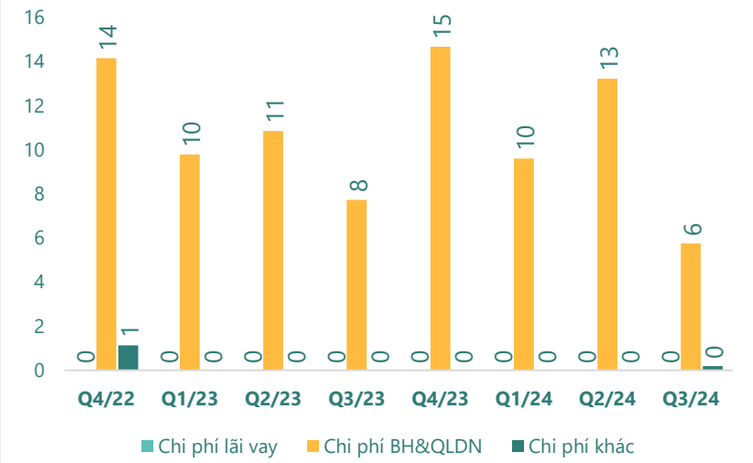
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



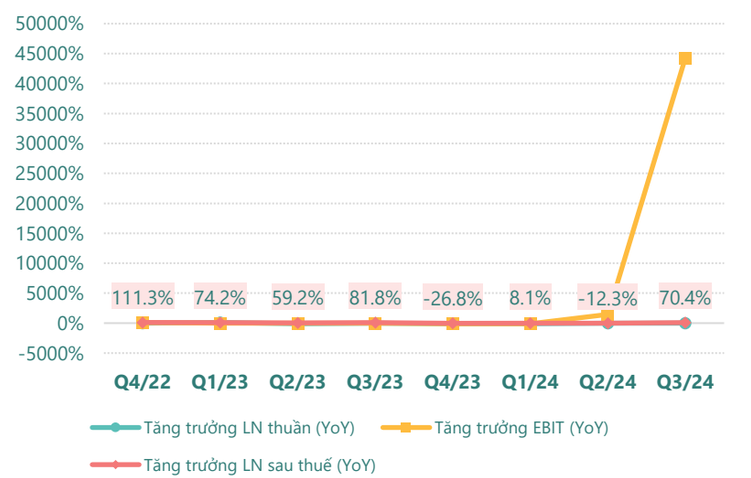
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



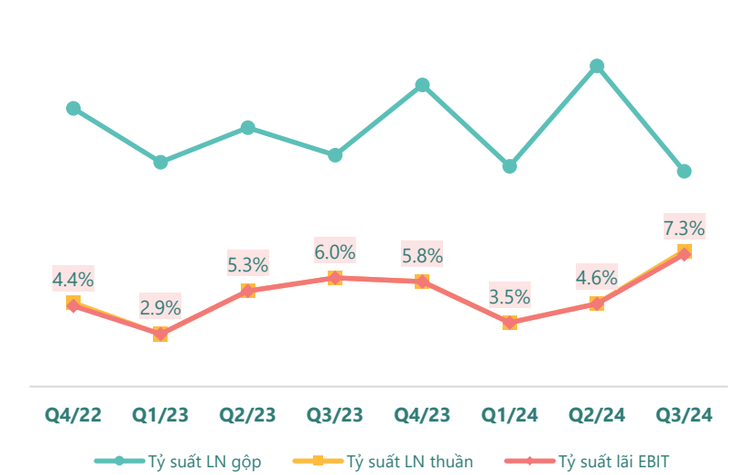
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



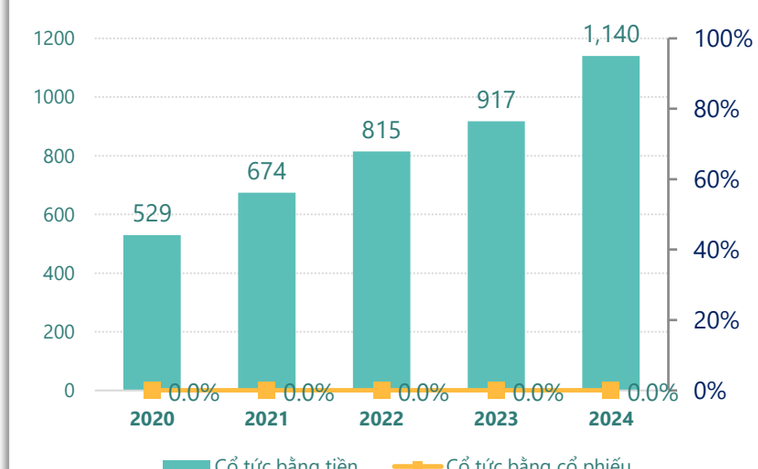
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

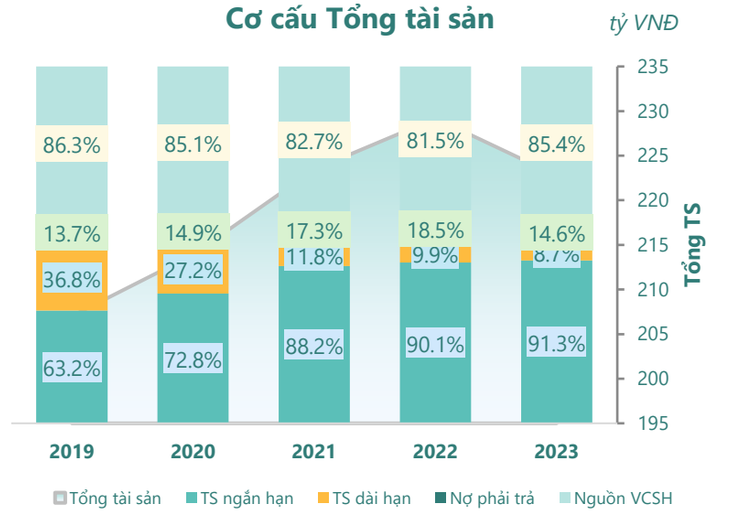
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

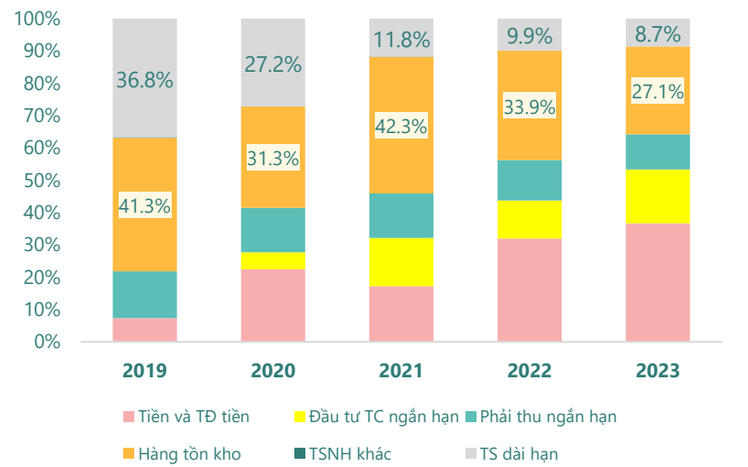
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



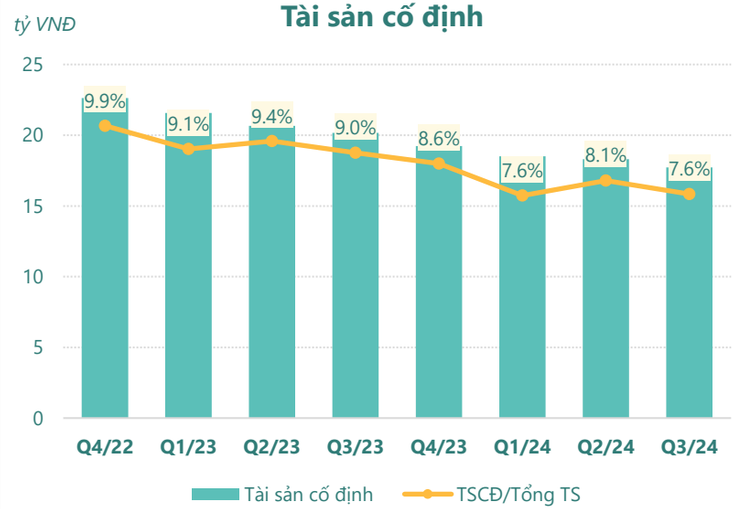
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



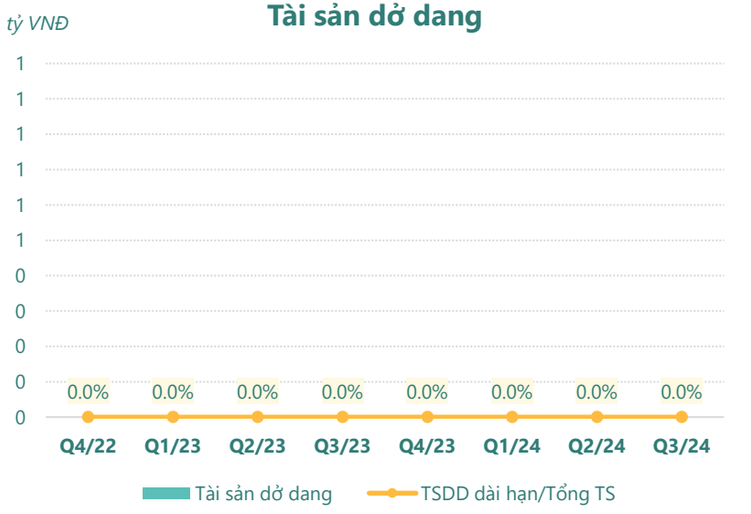
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



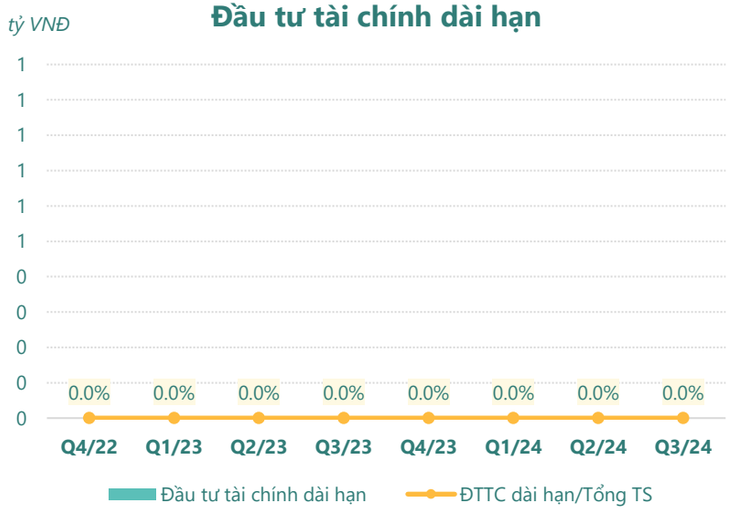
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



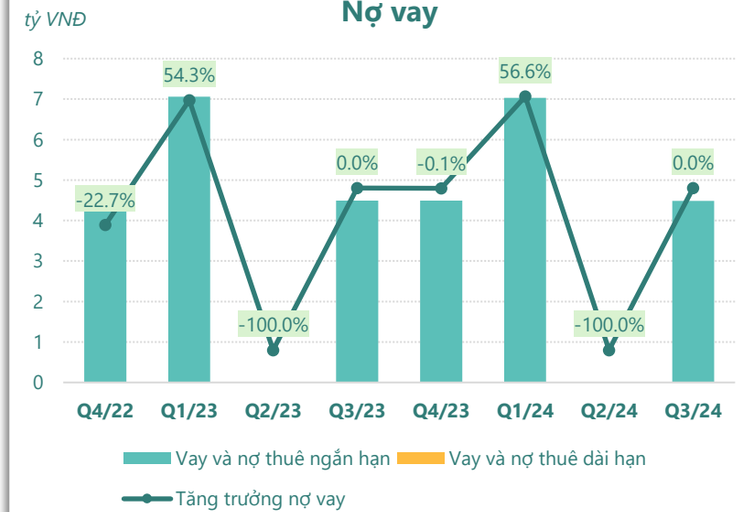
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

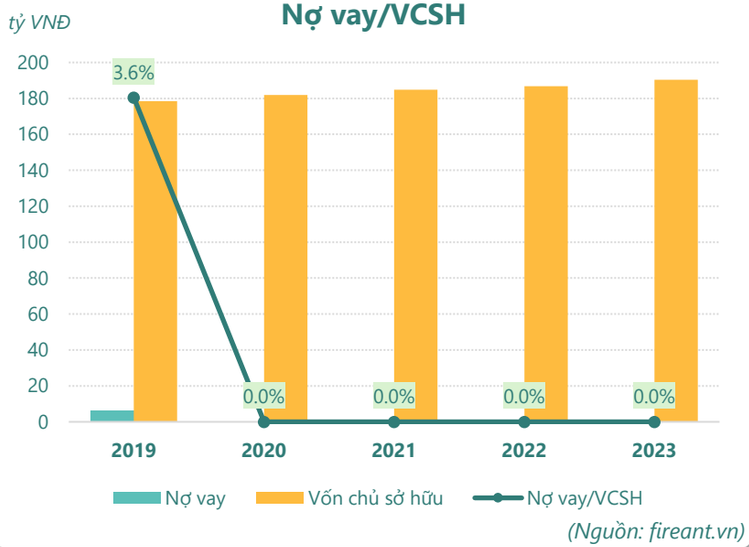
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

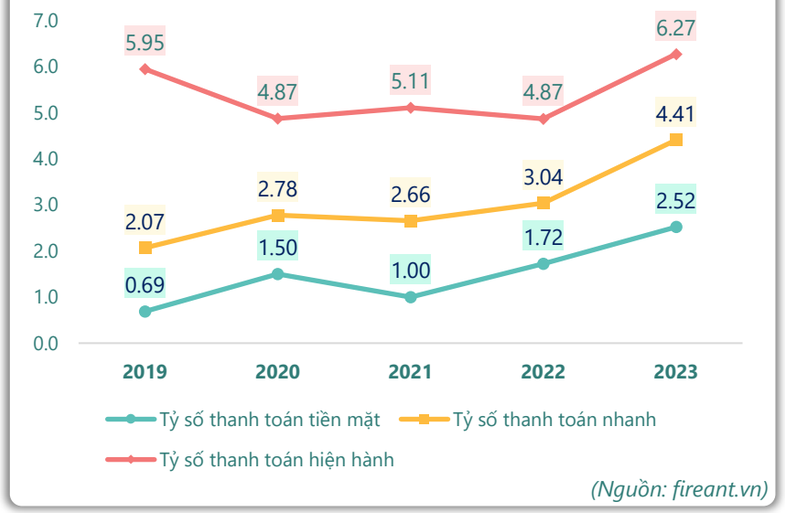
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



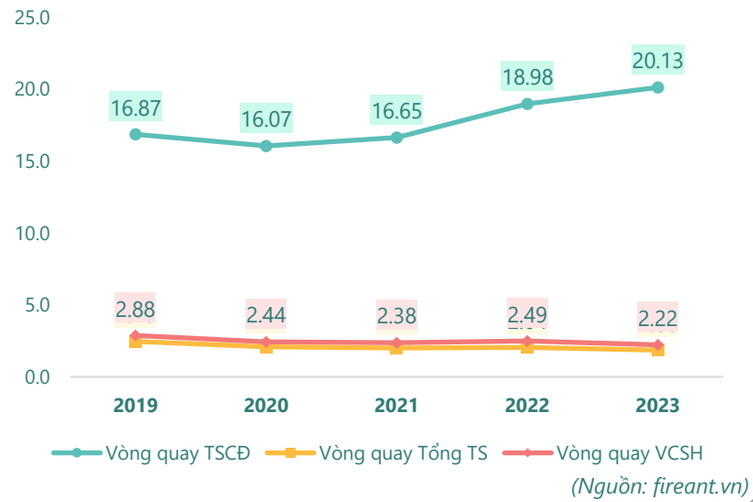
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



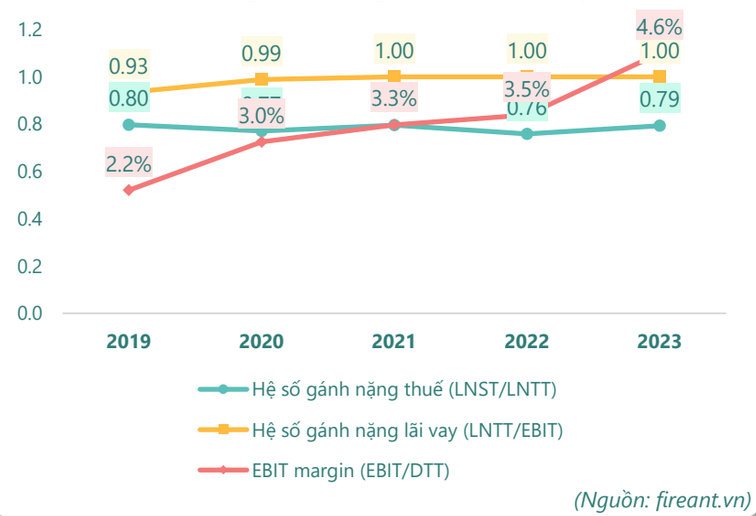
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



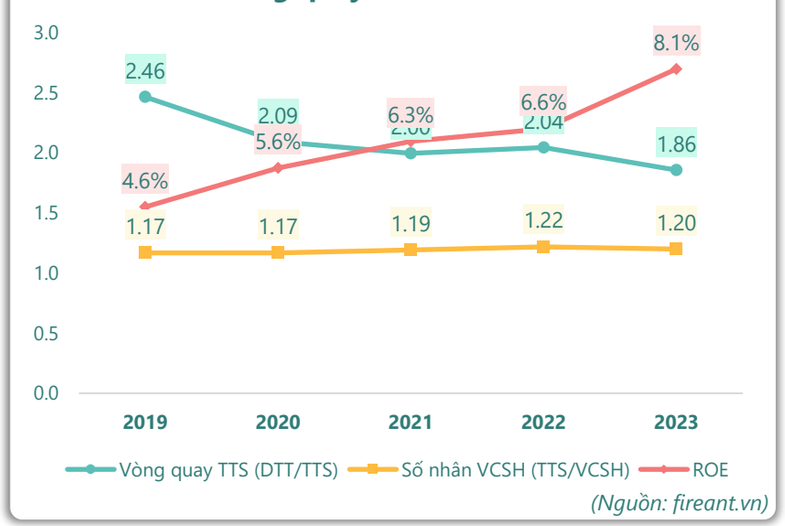
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



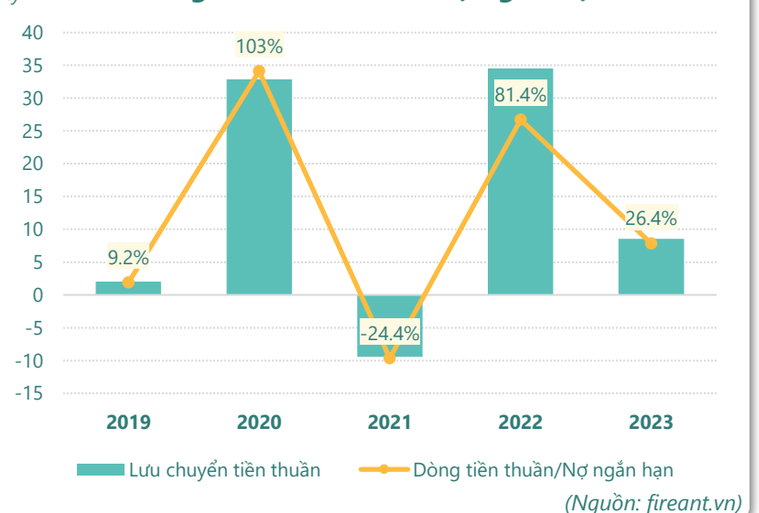
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**99.8**	**97.6**	**2.2%**	**295**	**303**	**-2.6%**
Giá vốn hàng bán	87.9	85.2	3.2%	254	263	-3.5%
Lợi nhuận gộp	11.8	12.4	-4.6%	41.3	39.8	3.8%
Doanh thu HĐTC	1.39	1.13	23.2%	2.70	2.80	-3.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.45	2.10	16.5%	9.17	8.90	3.0%
Chi phí QLDN	**3.31**	**5.63**	**-41.2%**	**19.4**	**19.5**	**-0.2%**
LN thuần từ HĐKD	7.46	5.84	27.8%	15.4	14.2	8.5%
Lợi nhuận khác	**-0.19**	**0.00**		**-0.20**	**0.02**	**-1429%**
LN trước thuế	7.27	5.84	24.5%	15.2	14.2	6.9%
Lợi nhuận sau thuế	**5.23**	**4.65**	**12.5%**	**11.5**	**11.3**	**2.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.23**	**4.65**	**12.5%**	**11.5**	**11.3**	**2.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.1	-5.01	26.6	27.9	-34.1	23.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	1.35	-5.18	6.75	-9.66	0.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	71.0	47.9	44.3	65.7	100	56.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.1**	**-3.66**	**21.4**	**34.6**	**-43.8**	**24.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.9	44.3	65.7	100	56.5	80.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**233**	**223**	**4.6%**
Tài sản ngắn hạn	215	203	5.6%
Tiền và tương đương tiền	91.6	81.7	12.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.0	37.0	27.0%
Phải thu ngắn hạn	37.2	24.2	53.6%
Hàng tồn kho	39.0	60.5	-35.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**18.2**	**19.4**	**-6.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	17.7	19.2	-7.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.46**	**0.13**	**240%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.6	32.4	40.5%
Nợ ngắn hạn	**45.6**	**32.4**	**40.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.48	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	20.2	10.0	101%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**187**	**190**	**-1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**187**	**190**	**-1.6%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)